

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định 3321/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao, Sở Tài chính tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thực hiện công bố công khai số liệu phân bổ dự toán ngân sách thu, chi năm 2025 của Sở Tài chính.

Điều 4. Văn phòng Sở, các tập thể và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KBNN tỉnh Khánh Hòa;
- Cổng thông tin điện tử Sở;
- Lưu VT, HCSN, KT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Khánh Vân

Phụ lục
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2025

Đơn vị: Sở Tài chính Khánh Hòa

Mã ĐVQHNS: 1040169

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STC ngày /12/2024 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa)

I. DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG	TỔNG SỐ
Chi quản lý nhà nước	14.899
1. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: Nguồn 13	8.179
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	5.267
- Kinh phí HDLĐ	456
- Kinh phí hoạt động theo định mức	2.210
- Tiết kiệm 10%	246
2. Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: Nguồn 13	2.759
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	1.096
- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.663
3. Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: Nguồn 18	456
4. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: Nguồn 12	3.582
- Chi tiền nhuận bút viết tin, bài lên Cổng thông tin điện tử của Sở	70
- Khóa sổ và quyết toán ngân sách	225
- Kinh phí công tác xác định giá đất và Hội đồng thẩm định giá đất	810
- Kinh phí thuê máy chủ ảo vận hành phần mềm CSDL về giá tại địa phương	27
- Kinh phí phục vụ cho Hội đồng tổ tụng hình sự	70
- Trang phục thanh tra	50

- Tiêu chí bổ sung	180
- Kinh phí thu thập, báo cáo giá thị trường	13
- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	210
- Kinh phí xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	5
- Kinh phí bảo trì phần mềm QLNS Dự án đầu tư Pabmis	330
- Kinh phí bồi dưỡng tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	33
- Kinh phí trang bị các thiết bị công nghệ thông tin	22
- Bảo trì phần mềm nhắc việc	30
- Kinh phí trang bị phương tiện làm việc cho 01 Phó Giám đốc Sở	45
- Kinh phí xây dựng phần mềm xác định giá đất theo phương pháp thặng dư	660
- Kinh phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá để bán đấu giá tài sản (Yến sào, tài sản khác thuộc tài sản công theo quy định)	90
- Bảo trì phần mềm quản lý tiền lương cho các đơn vị thuộc tỉnh	635

II. DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU PHÍ, LỆ PHÍ

Nội dung	Tổng số
Tổng số	2.100
- Thu hồi ngân sách qua công tác thanh tra, kiểm tra	2.000
- Thu xử phạt vi phạm hành chính	100